

THƯ MỜI

**Về việc tham gia báo giá
Trang bị, nâng cấp hệ thống Wifi của Trường**

Trường Đại học Tài chính – Marketing trân trọng kính mời các đơn vị có đủ năng lực tham gia báo giá Trang bị, nâng cấp hệ thống Wifi của Trường, như sau:

- Chủ đầu tư: Trường Đại học Tài chính – Marketing
- Địa điểm thực hiện: Trường Đại học Tài chính – Marketing
- Thời hạn nhận báo giá: Đến ngày 08/12/2025.
- Địa điểm gửi báo giá: Viện Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số (phòng D204), số 778 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người nhận báo giá: Ông Nguyễn Đức Hoàng – ĐT: 0901.315.881
- Nội dung báo giá: (Theo phụ lục đính kèm).

Ghi chú: Các đơn vị báo giá bao gồm chi phí lắp đặt và cấu hình hệ thống thiết bị Access Point Wifi 7 UniFi U7 Pro XGS bảo đảm hệ thống wifi vận hành ổn định tích hợp và đồng bộ với hệ thống wifi hiện hữu của Trường.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đăng tải trên Website Viện ĐMST&CDS;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐMSTCDS.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ
CHUYỂN ĐỔI SỐ**



Đỗ Hương Lan



PHỤ LỤC

(Đính kèm thư mời báo giá)

STT	Tên hàng hóa/ thiết bị	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy kiểm tra cáp mạng cho các cơ sở đào tạo	- Mã sản phẩm: NF-8601W - kiểm tra và định vị dây mạng, cáp đồng trục, dây điện thoại, cáp USB và các loại cáp khác. - Kiểm tra lỗi nối dây ở 5E, 6E, cáp đồng trục, chẳng hạn như mạch hở, ngắn mạch, dây nhảy, kết nối ngược. - Xác định vị trí lỗi dây hoặc kết nối. - Đo chiều dài cáp và xác định khoảng cách của mạch hở và ngắn mạch. - Tự động tắt thời gian trễ và chức năng hiển thị đèn nền. - Thiết kế đồng hồ phần mềm máy tính bảng đơn và hoạt động đáng tin cậy. - Kiểm tra dây dẫn RJ45 và BNC - Bảo hành: Theo hãng sản xuất	3	Cái
2	Switch 48 Port Gigabit Layer 2 Non-PoE Hỗ Trợ Cloud Quản Lý Tiêu chuẩn Ruijie RG-NBS5100-48GT4SFP	- Mã sản phẩm: NBS5100-48GT4SFP - Layer 2+ Smart Managed Switch 48 Cổng 10/100/1000BASE-T. - 48 cổng 10/100/1000BASE-T. - 4 cổng SFP+ 10Gbps BASE-X. - Tốc độ chuyển mạch: 336Gbps, 87Mpps. - MAC: 16K, VLAN: 4094. - Tính năng Layer 2: port mirroring, loop protection, cable detection. - Tính năng Layer 3: Static routing, QoS, Aggregation port, DHCP server,... - Tính năng bảo mật: broadcast	6	Cái

STT	Tên hàng hóa/ thiết bị	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính
		storm suppression, port speed limit, port isolation. - Dễ dàng quản lý và cấu hình qua Ruijie cloud. - Tích hợp Web management. - Hỗ trợ IEEE802.1Q VLAN, bảo mật giữa các nhóm thiết bị. - Nguồn AC 100~240V, 50/60Hz. - Nhiệt độ hoạt động: 0°C~50°C. - Bảo hành: Theo hãng sản xuất		
3	Thiết bị chuyển mạch quản lý switch - Switch PoE 48 Port UniFi USW-Pro-Max-48-PoE	- Mã sản phẩm: USW-Pro-Max-48-PoE - Switch có cổng Etherlighting™ phát sáng để biểu thị vị trí cổng, tốc độ/liên kết và VLAN/Network - Networking interface: (8) 2.5 GbE RJ45 PoE++ ports (8) 2.5 GbE RJ45 PoE+ ports (24) GbE RJ45 PoE+ ports (8) GbE RJ45 PoE++ ports (4) 10G SFP+ ports - Tổng công suất PoE 720W - Cấp nguồn bằng AC/DC internal 820W 100—240V AC & nguồn USP-RPS DC dự phòng - Màn hình LCM 1.3" touchscreen giám sát thông số - Quản lý với UniFi Network 8.0.24 hoặc cao hơn - PoE interface: (32) PoE/PoE+ (Pins 1, 2+; 3, 6-) (16) 60W PoE++ (Pair A 1, 2+; 3, 6-) (Pair B 4, 5+; 7, 8-) - Total non-blocking throughput: 112 Gbps - Switching capacity: 224 Gbps - Bảo hành: 12 tháng - Phụ kiện kèm theo switch POE:	1	Cái

STT	Tên hàng hóa/ thiết bị	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính
		Module Quang SFP+ Ubiquiti Single-Mode 10G UACC-OM-SM-10G : 1 Hộp/1 Switch (1 hộp gồm 2 cái)		
4	Module Quang SFP Ruijie MINI-GBIC-LX-SM1310	- Mã sản phẩm: MINI-GBIC-LX-SM1310 - Tốc Độ: 1.25Gbps - Đầu Kết Nối: LC - Mode: Single-mode - khoảng Cách Tối Đa: 10km - Bước Sóng: 1310nm	4	Cái
5	Module quang SFP RUIJIE MINI-GBIC-SX-MM850	- Mã sản phẩm: MINI-GBIC-SX-MM850 - Ethernet GE Bước sóng ngắn 1000Base-SX. - Kiểu kết nối: LC - Bước sóng: 850nm. - Khoảng cách cáp tối đa: 550m.	2	Cái
6	Module Quang MiniGBIC TP-LINK TL-SM311LS	- Mã sản phẩm: TL-SM311LS - Module quang MiniGBIC Chế độ Single - Chuẩn và Giao thức: IEEE 802.3z, TCP/IP - Wave Length: 1310 nm - Cabel Sợi quang chế độ single - Loại cáp: 9/125 μm Single-Mode - Chiều dài cáp tối đa: 20 KM - Tốc độ dữ liệu: 1.25 Gbps	4	Cái
7	Switch 8port TP-Link TL-SG108E	- Tốc độ LAN: Gigabit 1000Mbps - Cổng kết nối: 8 cổng RJ45 10/100/1000Mbps - Kiểu Switch: Switch Managed - Chất liệu vỏ: Vỏ Thép - Switching Capacity: 16 Gbps - Tốc độ chuyển gói: 11.9 Mpps - Bảng địa chỉ MAC: 4 K - Bộ nhớ đệm gói: 1.5 Mb - Khung Jumbo: 16 KB	15	Cái

STT	Tên hàng hóa/ thiết bị	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính
8	Access Point WiFi 7 UniFi U7 Pro XGS	- WiFi 7 với hỗ trợ 6 GHz, 8 luồng không gian. - Phạm vi phủ sóng 160 m² (1.750 ft²). - Số thiết bị kết nối tối đa: 500 - Cổng 10 GbE - Lắp đặt gắn trần hoặc tường. - Cấp nguồn PoE++ - Mimo 6 ghz: 2 x 2 (dl/ul mu-mimo) - Mimo 5 ghz: 4 x 4 (dl/ul mu-mimo) - Mimo 2.4 ghz: 2 x 2 (dl/ul mu-mimo) - Tốc độ dữ liệu tối đa: 6 GHz: 5,8 Gbps (BW320) 5 GHz: 8,6 Gbps (BW240) 2.4 GHz: 688 Mbps (BW40) - Độ lợi ăng-ten: 6 GHz: 6 dBi 5 GHz: 6 dBi 2.4 GHz: 4 dBi - Công suất TX tối đa: 6 GHz: 24 dBm 5 GHz: 29 dBm 2.4 GHz: 23 dBm - Số lượng BSSID tối đa: 8 mỗi radio - Công suất tiêu thụ tối đa: 29W. - Phạm vi điện áp được hỗ trợ: 42,5 – 57V DC. - Giao diện mạng: (1) Cổng RJ45 10 GbE. - Đèn LED: Hệ thống. - Bảng thông kênh: HT 20/40 VHT 20/40/80/160 HE 20/40/80/160 EHT 20/40/80/160/240/320 (MHz)	10	Cái

STT	Tên hàng hóa/ thiết bị	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính
		- Chứng nhận: CE, FCC, IC. - Bảo hành: Theo hãng sản xuất		
9	Thiết bị quản lý tập trung wifi - UniFi Cloud Key Gen2 SSD	- Networking Interface: (1) 10/100/1000 Ethernet Port - Buttons: (1) Power; (1) Reset - Maximum Power Consumption: 12.95W (PoE); - USB-C Power Operating Temperature: 0 to 35° C (32 to 104° F) - LEDs: (1) Power, White/Blue - Processor: APQ8053 8 Core with 3 GB RAM - Memory: 32 GB - Ổ SSD 1TB được cài đặt sẵn - Kết nối và cấp nguồn bằng PoE (Power over Ethernet) - Bảo hành: Theo hãng sản xuất	1	Cái
10	Thiết bị cân bằng tải Router MikroTik CCR2216-1G-12XS-2XQ	- Architecture: ARM 64bit - CPU: AL73400 - CPU core count: 16 - CPU nominal frequency: 2000 MHz - Operating System: RouterOS - Size of RAM: 16 GB - Storage size: 128 MB - Storage type: NAND - MTBF: Approximately 200'000 hours at 25C - Tested ambient temperature: - 20°C to 60°C - Powering: Number of AC inputs 2 AC input range 100-240 - Max power consumption: 128 W - Max power consumption	1	Cái

STT	Tên hàng hóa/ thiết bị	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính
		without attachments: 80 W - Cooling type: 4 - Ethernet 10/100/1000 Ethernet ports: 1 - Fiber: Number of 25G SFP28 ports: 12 Number of 100G QSFP28 ports: 2 - Peripherals: Serial console port RJ45 - Number of M.2 slots Other - CPU temperature monitor: yes - PCB temperature monitor: yes - Voltage Monitor: yes		